

Khánh Hòa, ngày 06/10/2021

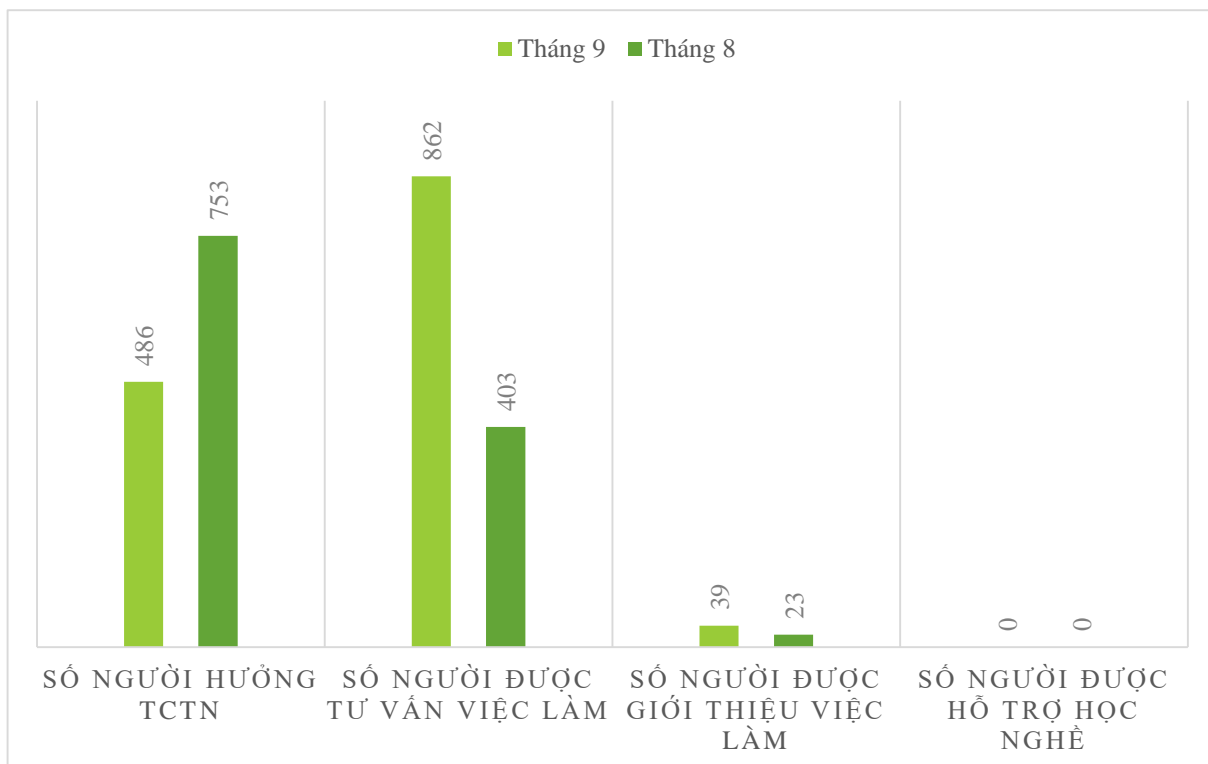
**BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP THÁNG 9
VÀ NHU CẦU TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG THÁNG 10/2021**

I. THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP THÁNG 9

1. Số người hưởng trợ cấp thất nghiệp:

Trong tháng 9/2021 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa số người được hưởng trợ cấp thất nghiệp (TCTN) là 486 người giảm 35,46% so với tháng 8/2021 (753 người).

Hình 1: Một số chỉ tiêu BHTN

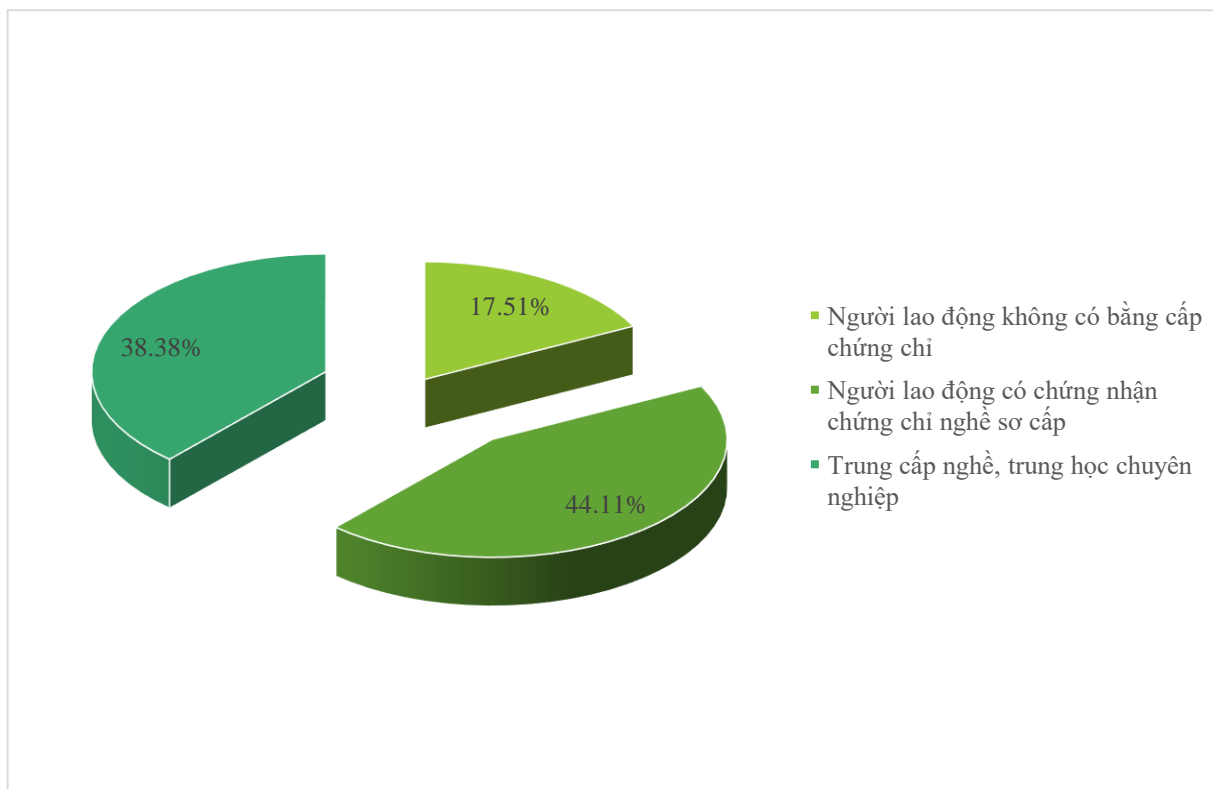


2. Trình độ chuyên môn:

Trình độ chuyên môn của người lao động được hưởng TCTN trong tháng như sau:

- Người lao động không có bằng cấp chứng chỉ chiếm 17,51%;
- Người lao động có chứng nhận chứng chỉ nghề sơ cấp chiếm 44,11%;
- Trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp chiếm 38,38%;

Hình 2: Trình độ chuyên môn của người lao động



3. Ngành nghề người lao động trước khi hưởng trợ cấp thất nghiệp:

Nghề nghiệp người lao động trước khi hưởng trợ cấp thất nghiệp:

- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 1,86%;
- Khai khoáng chiếm 0,81%;
- Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 3,13%;
- Xây dựng chiếm 3,36%;
- Bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác chiếm 4,76%;
- Vận tải, kho bãi chiếm 3,25%;
- Dịch vụ lưu trú và ăn uống chiếm 7,31%;
- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm chiếm 0,43%;
- Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ chiếm 0,70%;
- Giáo dục và đào tạo chiếm 8,24%;
- Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội chiếm 0,70%;
- Hoạt động dịch vụ khác chiếm 62,23%;
- Hoạt động làm thuê và các công việc trong hộ gia đình chiếm 2,20%.

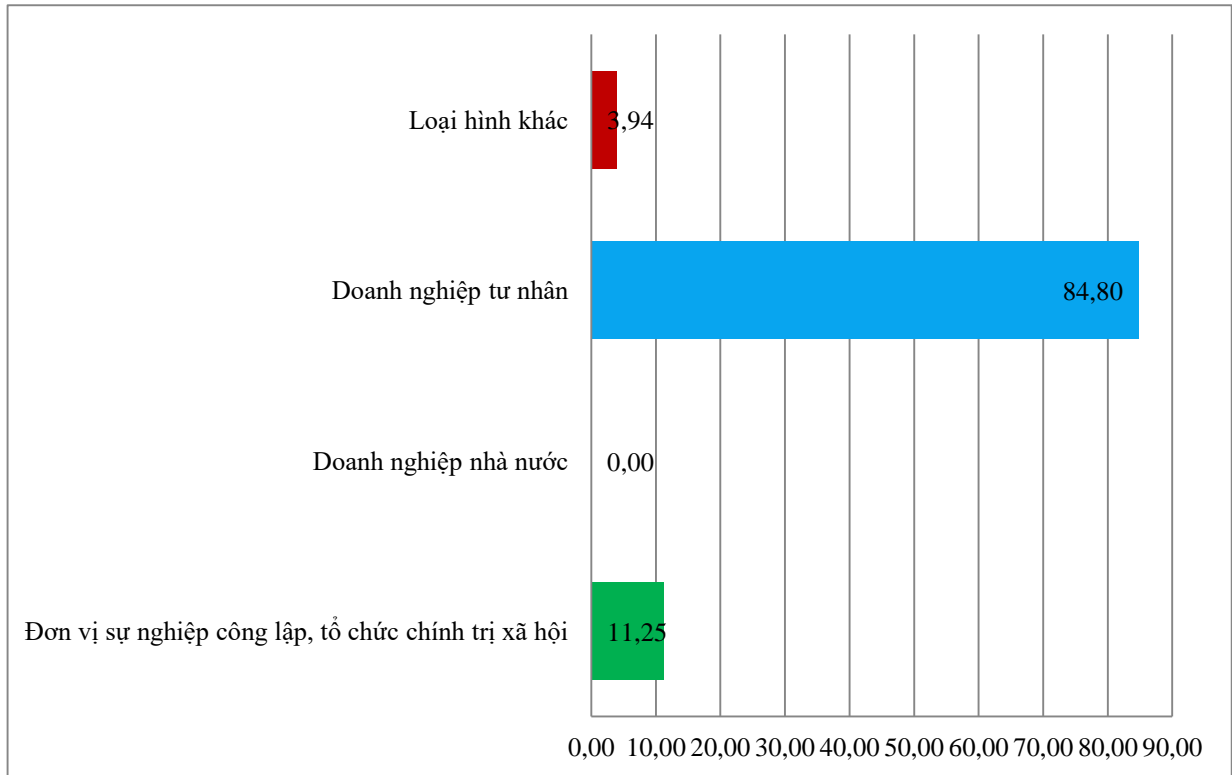
4. Loại hình, tổ chức doanh nghiệp:

Loại hình, tổ chức doanh nghiệp người lao động làm việc trước khi hưởng TCTN như sau:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM

- Đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội chiếm 11,25%;
- Công ty TNHH, FDI, Doanh nghiệp tư nhân chiếm 84,80%;
- Loại hình khác (gồm Hợp tác xã; hộ kinh doanh cá thể) chiếm 3,94%.

Hình 3: Loại hình, tổ chức doanh nghiệp



5. Hợp đồng lao động của người lao động trước khi hưởng trợ cấp thất nghiệp:

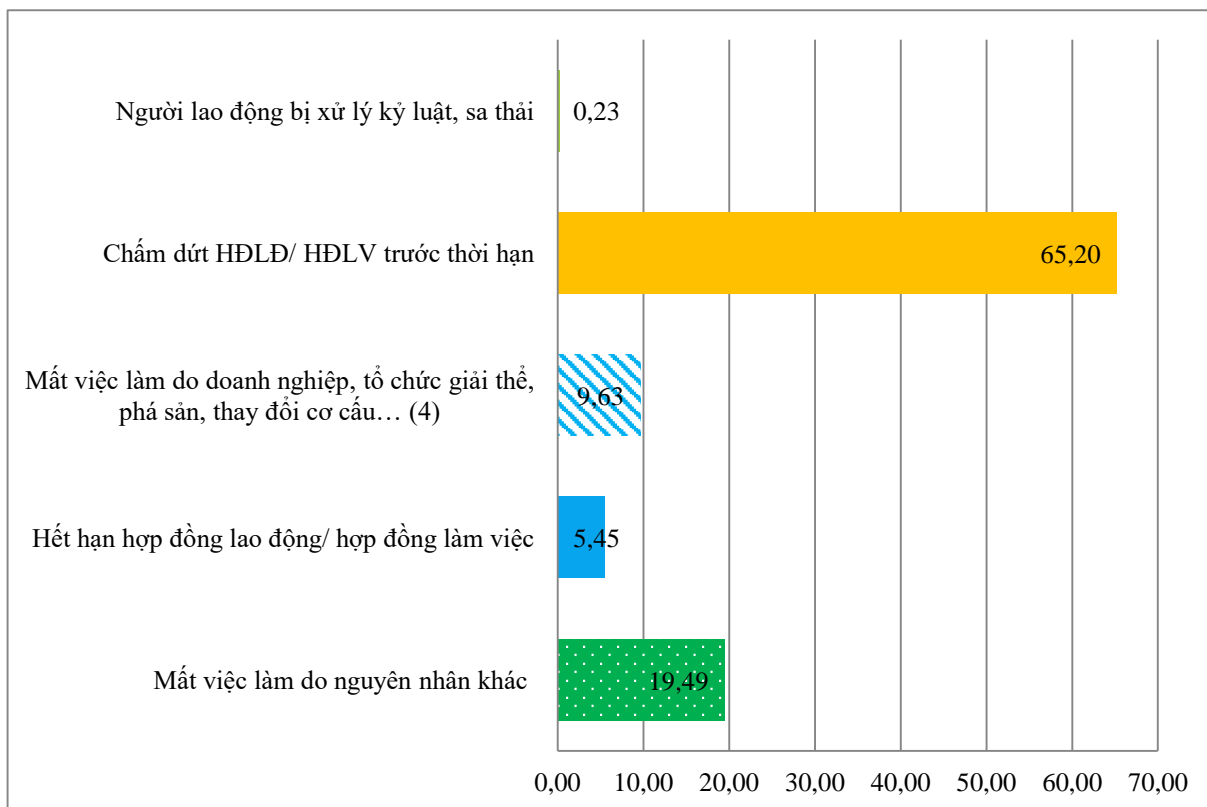
Loại hợp đồng lao động của người lao động trước khi hưởng TCTN:

- HĐLĐ từ 3 tháng đến dưới 12 tháng là 0%;
- HĐLĐ từ 12 tháng đến 36 tháng chiếm 43,27%;
- HĐLĐ không xác định thời hạn chiếm 56,73%.

6. Nguyên nhân thất nghiệp:

Theo số liệu thống kê từ phần mềm quản lý dữ liệu Bảo hiểm thất nghiệp, nguyên nhân thất nghiệp của người lao động trong tháng như sau:

- Hết hạn hợp đồng lao động/ Hợp đồng làm việc chiếm 5,45%;
- Mất việc làm do doanh nghiệp, tổ chức phá sản, thay đổi cơ cấu... chiếm 9,63%;
- Chấm dứt Hợp đồng lao động/ Hợp đồng làm việc trước thời hạn chiếm 65,20%;
- Mất việc làm do nguyên nhân khác chiếm 19,49%.
- Người lao động bị xử lý kỷ luật, sa thải chiếm 0,23%.

Hình 4: Nguyên nhân thất nghiệp**7. Thời gian và mức hưởng trợ cấp thất nghiệp:**

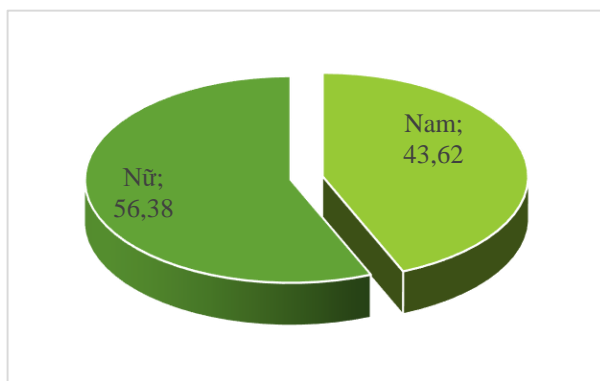
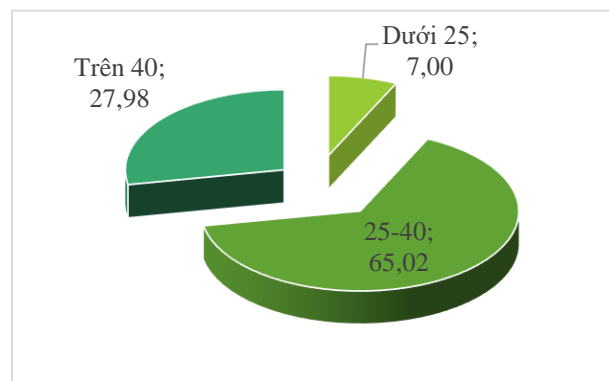
Theo số liệu thống kê từ phần mềm BHTN, thời gian hưởng TCTN tháng 9/2021 như sau:

- Hưởng TCTN 03 tháng: 218 quyết định chiếm 44,86%;
- Hưởng TCTN 04 – 06 tháng: 131 quyết định chiếm 26,95%;
- Hưởng TCTN 07 – 12 tháng: 137 quyết định chiếm 28,19%.

Tổng số tiền chi trả Bảo hiểm thất nghiệp trong tháng là 9.297.853.745 đồng, trong đó chi TCTN là 9.297.853.745 đồng, chi hỗ trợ học nghề là 0 đồng.

8. Giới tính và độ tuổi của người hưởng trợ cấp thất nghiệp:

Theo thống kê tỷ lệ nam/ nữ được hưởng TCTN như sau:

Hình 5: Số người được hưởng TCTN phân theo giới tính**Hình 6: Tỷ lệ hưởng TCTN theo độ tuổi**

9. Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm và hỗ trợ học nghề:

- *Số người được tư vấn:* Tất cả người lao động nộp hồ sơ Bảo hiểm thất nghiệp đều được tư vấn các thủ tục, chính sách về Bảo hiểm thất nghiệp cũng như tư vấn về việc làm. Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm lần đầu trong tháng là 862 người.

- *Số người được giới thiệu có việc làm:* số người được giới thiệu có việc làm là 39 người.

II. NHU CẦU TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG THÁNG 10/2021

Tháng 10/2021 Trung tâm Dịch vụ việc làm đã thu thập thông tin tuyển dụng của 72 doanh nghiệp với tổng nhu cầu tuyển dụng là 643 vị trí việc làm, cụ thể như sau:

- Chế biến thủy sản – Công nghệ thực phẩm có nhu cầu tuyển dụng lao động chiếm 48,21%;

- Dệt – May – Giày da có nhu cầu tuyển dụng lao động chiếm 12,44%;

- Cơ khí – Tự động hóa có nhu cầu tuyển dụng lao động chiếm 9,02%;

- Marketing – Kinh doanh – Thương mại có nhu cầu tuyển dụng lao động chiếm 8,55%;

- Kế toán – Tài chính có nhu cầu tuyển dụng lao động chiếm 6,69%;

- Điện – Điện công nghiệp – Điện lạnh có nhu cầu tuyển dụng lao động chiếm 4,51%.

Bảng 1: Một số nhóm ngành có nhu cầu tuyển dụng tháng 10/2021

STT	Nhóm ngành	LDPT	SC	TC	CD	ĐH	Tổng cộng
1	Marketing – Kinh doanh – Thương mại	37	0	9	5	4	55
2	Hành chính - Văn phòng	0	0	0	3	9	12
3	Kế toán - tài chính	7	0	0	19	17	43
4	Cơ khí - Tự động hóa	0	5	50	1	2	58
5	Kiến trúc - Xây dựng	0	0	2	0	13	15
6	Điện – Điện công nghiệp – Điện lạnh	1	3	0	20	5	29
7	Chế biến thủy sản - Công nghệ thực phẩm	300	0	0	0	10	310
8	Dệt – May – Giày da	80	0	0	0	0	80
9	Dịch vụ phục vụ	16	0	0	0	0	16
10	Bất động sản	10	0	0	0	0	10
...
	Tổng	451	15	65	50	62	643

1. Nhu cầu tuyển dụng theo cơ cấu trình độ:

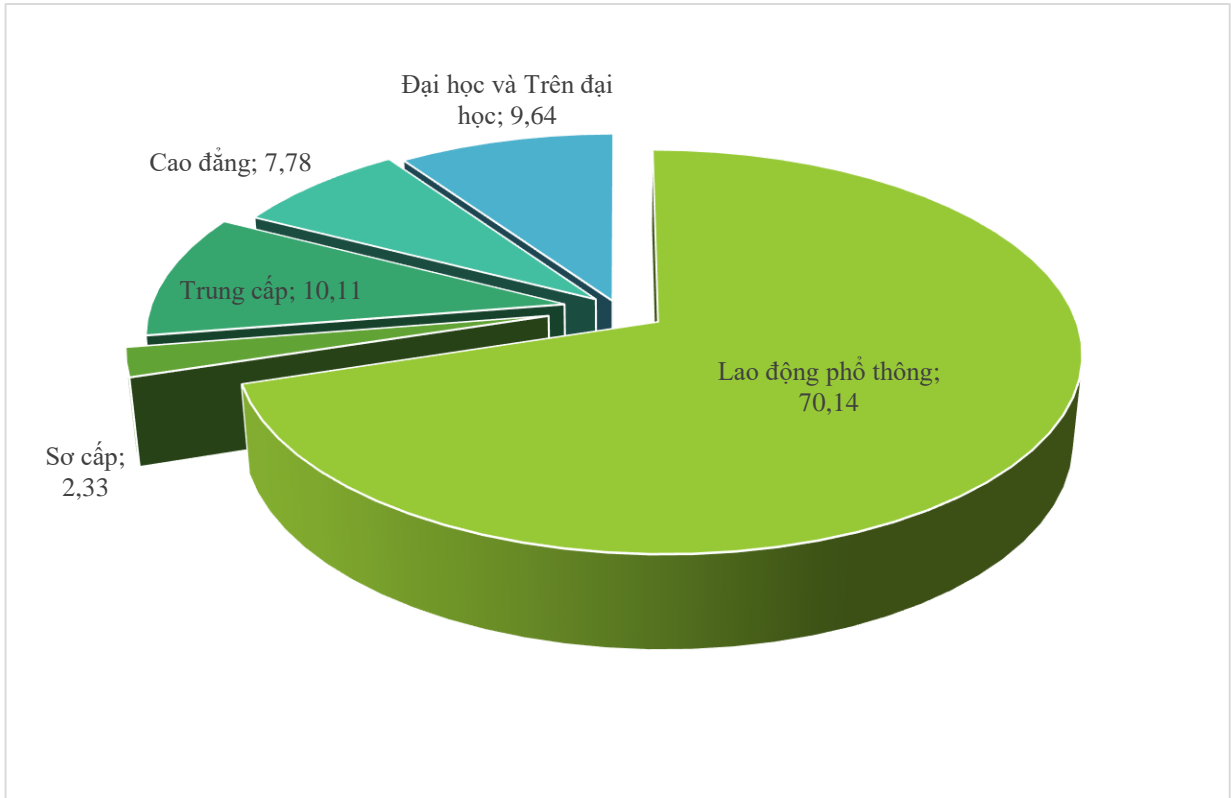
- Nhu cầu tuyển dụng lao động có trình độ đại học trở lên chiếm 9,64% trong tổng số nhu cầu tuyển dụng;

- Nhu cầu tuyển dụng lao động có trình độ từ cao đẳng chiếm 7,78%;

- Nhu cầu tuyển dụng lao động có trình độ trung cấp chiếm 10,11%;

- Nhu cầu tuyển dụng lao động có trình độ sơ cấp chiếm 2,33%;
- Nhu cầu tuyển dụng lao động có trình độ phổ thông chiếm 70,14%.

Hình 7: Nhu cầu tuyển dụng theo trình độ



2. Nhu cầu tuyển dụng theo mức lương:

Bảng 2: Mức lương tuyển dụng

Mức lương	Tỷ lệ %
0-3,8 triệu	0,00
3,8-5 triệu	5,65
5-7 triệu	42,54
7-15 triệu	51,65
Trên 15 triệu	0,16

Thông tin tổng hợp từ nguồn dữ liệu: Cung - cầu lao động; Bảo hiểm thất nghiệp
Chịu trách nhiệm xuất bản: TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM KHÁNH HÒA
Để biết thêm thông tin chi tiết xin liên hệ:

BAN BIÊN TẬP BẢN TIN – PHÒNG THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Điện thoại: 0258.3510201

Website: thongtinvieclamkhanhhoa.vn